



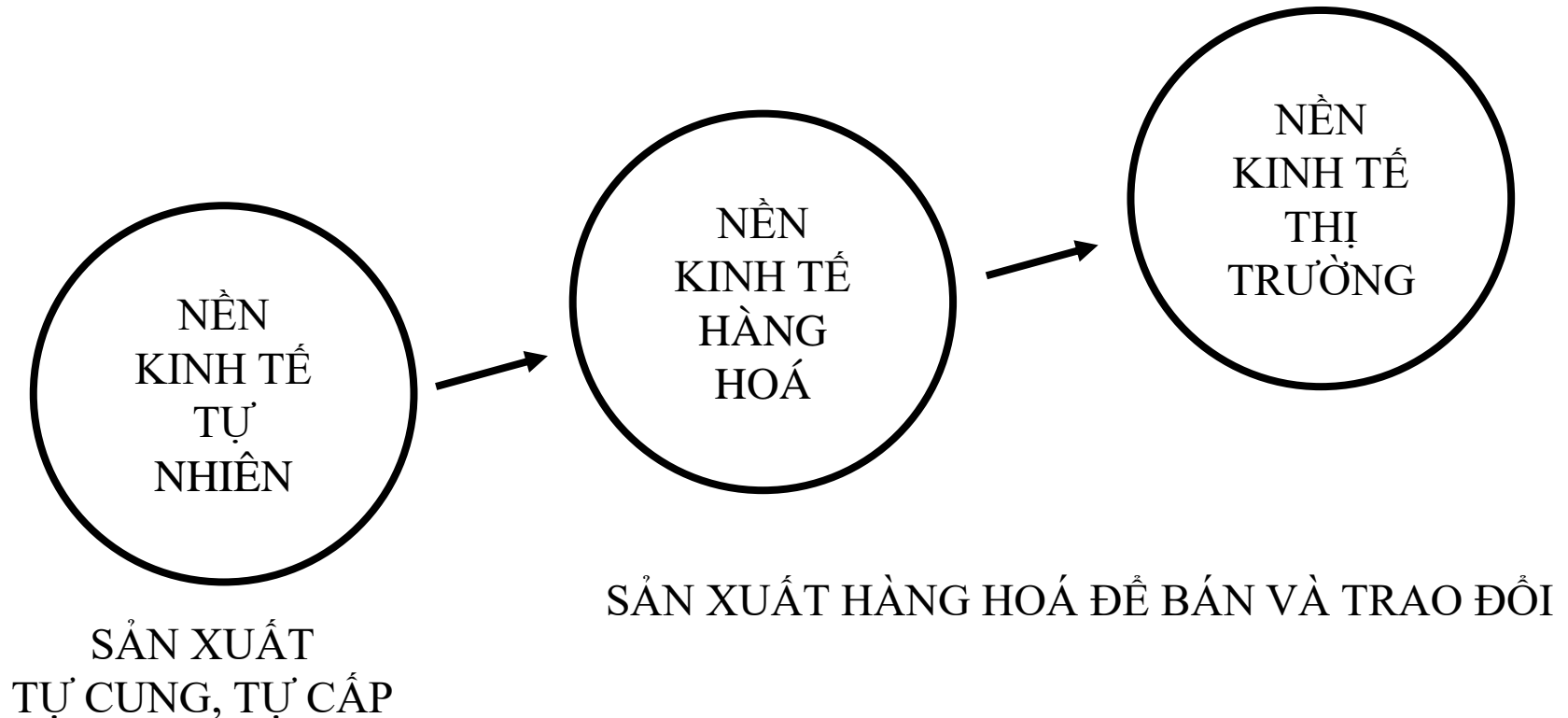
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
HANOI UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHƯƠNG 3: SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Giảng viên: Phan Yến Trang
trang.phanyen@hust.edu.vn

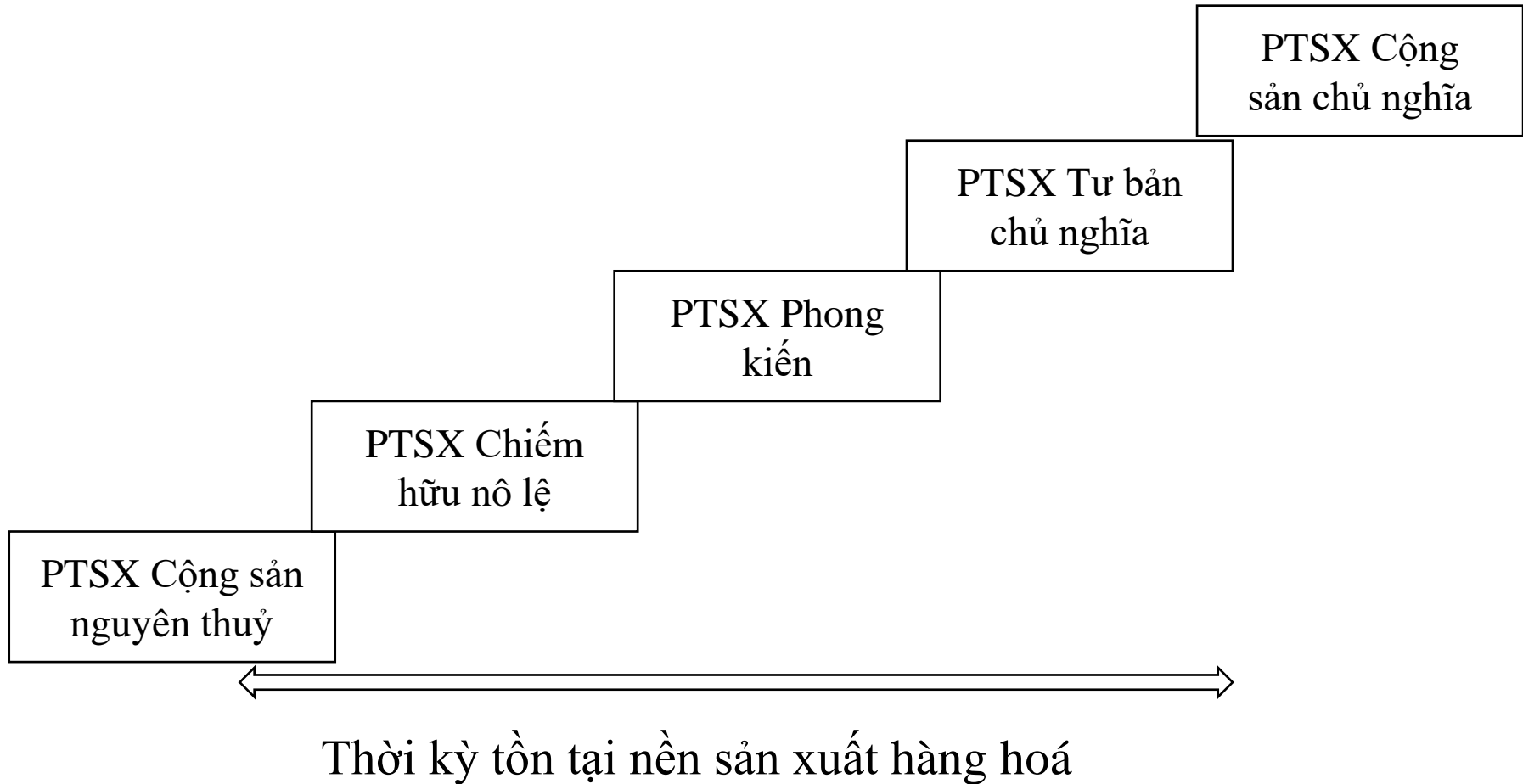
Phạm vi của Học thuyết giá trị thặng dư

- ❖ **Câu hỏi cơ bản đặt ra:** Khi nghiên cứu nền kinh tế: “Mô hình tổ chức sản xuất kinh tế của xã hội loài người là như thế nào?”
- ❖ **Câu trả lời:** Như đã nghiên cứu tại Chương 2, lịch sử trải qua mô hình “Sản xuất tự cung tự cấp” và “Sản xuất hàng hoá”



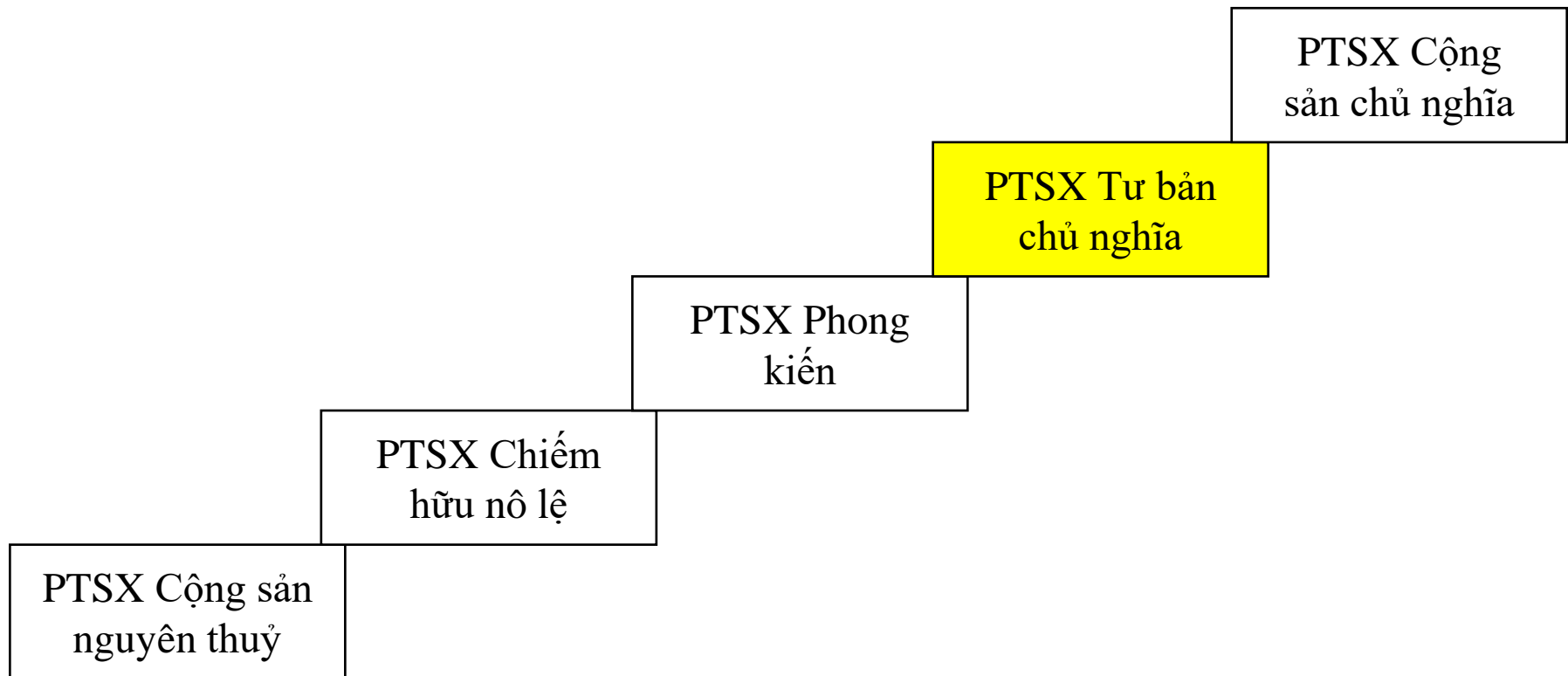
Phạm vi của Học thuyết giá trị thặng dư

❖ **Câu hỏi tiếp theo:** “Nền sản xuất hàng hoá phát triển cao nhất trong thời kỳ nào?”



Phạm vi của Học thuyết giá trị thặng dư

❖ **Câu hỏi trả lời:** “Nền sản xuất hàng hoá phát triển cao nhất là Nền kinh tế thị trường trong PTSX Tư bản chủ nghĩa ”



Nội dung cơ bản của Chương 3

1. Sự chuyển hoá tiền thành tư bản
2. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư
3. Một số quy luật của chủ nghĩa tư bản
4. Các hình thái biểu hiện của Tư bản và Giá trị thặng dư
5. Sự phân chia Giá trị thặng dư giữa các loại hình Tư bản

1. Sự chuyển hoá tiền thành tư bản

❖ **Câu hỏi đầu tiên đặt ra:** Khi nghiên cứu PTSX Tư bản chủ nghĩa: “Tư bản là gì, tư bản được hình thành từ đâu?”



❖ **Câu trả lời:**

Dựa trên phép biện chứng duy vật, theo đó vận động là phương thức tồn tại và bộc lộ bản chất của mọi sự vật => Tư bản được hình thành từ sự vận động của các nhân tố kinh tế thị trường.

1. Sự chuyển hoá tiền thành tư bản

1.1. Công thức chung của Tư bản

❖ *Hai công thức lưu thông:*

Hàng – Tiền – Hàng, viết tắt là H – T – H'

Tiền – Hàng – Tiền, viết tắt là T – H – T'



1. Sự chuyển hoá tiền thành tư bản

1.1. Công thức chung của Tư bản

❖ *Hai công thức lưu thông:*

Công thức	H-T-H'	T-H-T'
Giống nhau	<ul style="list-style-type: none">- Có 2 yếu tố: Hàng – Tiền- Có hành vi: Mua – bán- Có chủ thể: Người mua – người bán	
Khác nhau	Điểm bắt đầu và kết thúc là H	Điểm bắt đầu và kết thúc là T
	Trình tự vận động: Bán – Mua, Tiền là trung gian trao đổi	Trình tự vận động: Mua – Bán, Tiền là mục đích trao đổi
	Mục đích: GTSD => Bị giới hạn	Mục đích: Thặng dư kinh tế => Không bị giới hạn

1. Sự chuyển hoá tiền thành tư bản

1.1. Công thức chung của Tư bản

❖ *Hai công thức lưu thông:*

Hàng – Tiền – Hàng, viết tắt là $H - T - H'$

Tiền – Hàng – Tiền, viết tắt là $T - H - T'$

❖ *Công thức chung của Tư bản được xác định là:*

$T - H - T'$ với $T' > T$, bởi vì

- Mục đích của công thức này là **thặng dư** (kinh tế), chứ không phải là tiêu dùng
- Xu thế vận động của công thức này là **không giới hạn** nên mới đại diện được cho một phương thức sản xuất

1. Sự chuyển hoá tiền thành tư bản

1.2. Tư bản

❖ **Khái niệm:** Về hình thức, Tư bản là giá trị nhằm mục đích mang lại giá trị thặng dư



❖ **Câu hỏi đặt ra:** Tư bản vận động theo công thức chung $T - H - T'$, vậy tại sao $T' > T$, nói cách khác $\Delta T = T' - T$ từ đâu mà có?

1. Sự chuyển hoá tiền thành tư bản

1.3. Mâu thuẫn công thức chung của Tư bản $T - H - T'$

❖ *Xét trong lưu thông* \Rightarrow tức là xét việc mua bán, trao đổi thuần túy

- Nếu trao đổi ngang giá $\Rightarrow T - H - T'$ thì $T' = T \Rightarrow$ không có ΔT
 - Nếu trao đổi không ngang giá:
 - + Nếu hàng hóa bán cao hơn giá trị \Rightarrow người bán được lợi; người mua chịu thiệt
 - + Nếu hàng hóa bán thấp hơn giá trị \Rightarrow người mua được lợi; người bán chịu thiệt
- \Rightarrow Xét trong nền sản xuất hàng hóa \Rightarrow không có ΔT
- + “Mua rẻ bán đắt”
- \Rightarrow Tồn tại người có được ΔT , nhưng được của người này là mất của người kia \Rightarrow Xét tổng thể xã hội, không thể có ΔT
- \Rightarrow Kết luận (1): “Lưu thông thuần túy **không tạo nên** giá trị thặng dư”.

1. Sự chuyển hoá tiền thành tư bản

1.3. Mâu thuẫn công thức chung của Tư bản $T - H - T'$

❖ *Xét ngoài lưu thông* \Rightarrow tức là bỏ qua mọi hành vi mua bán, trao đổi

\Rightarrow Các yếu tố đầu vào không thể kết nối được với nhau

\Rightarrow Không thể xuất hiện các quá trình kinh tế \Rightarrow Không thể có ΔT

\Rightarrow Kết luận (2):

“Giá trị thặng dư **không thể** được tạo ra **từ ngoài** lưu thông”

tức là “Giá trị thặng dư **chỉ có thể** được tạo ra **từ trong** lưu thông”

1. Sự chuyển hoá tiền thành tư bản

1.3. Mâu thuẫn công thức chung của Tư bản $T - H - T'$

❖ *Như vậy, tổng hợp lại:*

- Xét trong lưu thông, có KL (1): “**Lưu thông** thuần túy **không tạo nên GTTD**”
- Xét ngoài lưu thông, có KL (2): “GTTD **chỉ có thể được tạo ra** từ trong **lưu thông**”

❖ *Do đó, mâu thuẫn là:*

“Dường như lưu thông **vừa tạo nên** giá trị thặng dư, lại **vừa không tạo nên** giá trị thặng dư” (K.Marx)

2. Quá trình sản xuất Giá trị thặng dư

❖ Câu hỏi đặt ra:

- Giải quyết mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản $T - H - T'$ như thế nào?
- Vì sao T' lớn lên so với T , giá trị thặng dư được tạo ra như thế nào?



2. Quá trình sản xuất Giá trị thặng dư

❖ *Câu hỏi đặt ra:*

- Giải quyết mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản $T - H - T'$ như thế nào?
- Vì sao T' lớn lên so với T , giá trị thặng dư được tạo ra như thế nào?

❖ *Phương pháp luận giải quyết vấn đề này:*

- Vì quá trình mua bán không tạo nên GTTD \Rightarrow phải xem xét quá trình sử dụng các yếu tố đầu vào để sản xuất
- Tiền (T) không thể tự lớn lên \Rightarrow phải xem xét trong các yếu tố đầu vào (H), có gì đặc biệt để tạo nên GTTD

2. Quá trình sản xuất Giá trị thặng dư

❖ Câu trả lời của K.Marx:

Theo học thuyết giá trị (chương 2), đã chứng minh rằng chỉ *Lao động tạo nên giá trị hàng hoá* => giá trị thặng dư có được từ sản xuất kinh doanh hàng hoá cũng có nguồn gốc từ **lao động**



2. Quá trình sản xuất Giá trị thặng dư

2.1. Lý luận về hàng hoá Sức lao động

❖ *Khái niệm về sức lao động:*

Sức lao động là toàn bộ thể lực và trí lực của con người, có thể phát huy tác dụng vào sản xuất

❖ *Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hoá*

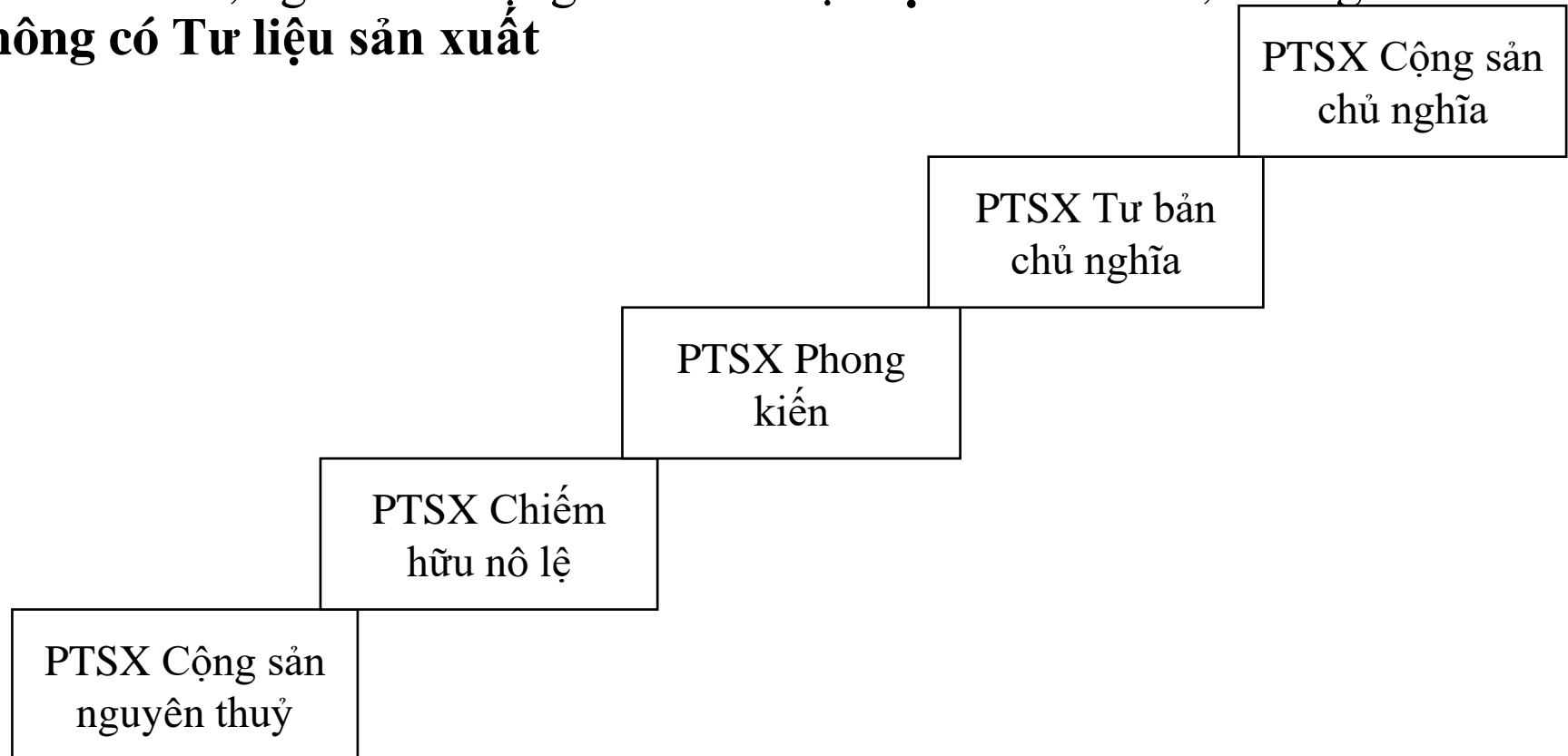
- Người lao động được tự do thân thể (ĐK cần)
- Người lao động bị tước đoạt hết tư liệu sản xuất (ĐK đủ)

2. Quá trình sản xuất Giá trị thặng dư

2.1. Lý luận về hàng hoá Sức lao động

=> Như vậy, trong lịch sử, **Sức lao động** trở thành hàng hoá phổ biến nhất trong **PTSX Tư bản chủ nghĩa**

=> Vì khi đó, người lao động bắt đầu được **tự do thân thể**, nhưng vẫn **không có Tư liệu sản xuất**



2. Quá trình sản xuất Giá trị thặng dư

2.1. Lý luận về hàng hoá Sức lao động

❖ *Giá trị hàng hoá sức lao động*

- Là hao phí lao động xã hội để tái sản xuất sức lao động

Bao gồm 03 bộ phận:

- + Giá trị hàng hoá tiêu dùng để thoả mãn **nhu cầu vật chất** của người LĐ
- + Giá trị hàng hoá tiêu dùng để thoả mãn **nhu cầu tinh thần** của người LĐ
- + Giá trị hàng hoá tiêu dùng để góp phần **nuôi gia đình** của người LĐ

2. Quá trình sản xuất Giá trị thặng dư

2.1. Lý luận về hàng hoá Sức lao động

❖ *Giá trị sử dụng của hàng hoá Sức lao động:*

- **Công dụng đặc biệt:** Khi mua và sử dụng hàng hoá sức lao động, giá trị này không mất đi, thậm chí còn tạo nên:

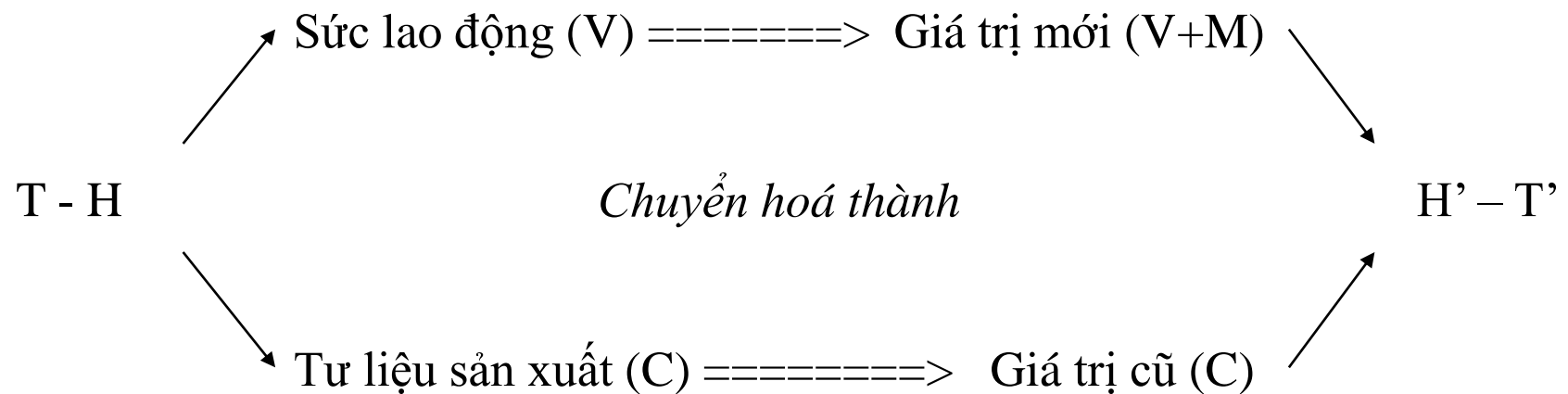
Giá trị mới > Giá trị của SLĐ đã sử dụng

- **Nguyên nhân:** Vì sức lao động chứa kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ, sức sáng tạo, trí tuệ, chất xám... của người lao động.

2. Quá trình sản xuất Giá trị thặng dư

2.2. Bản chất, nguồn gốc của Giá trị thặng dư

❖ *Thực chất quá trình chuyển hoá trong công thức chung của tư bản*



Giá trị của H là $(C + V) <$ Giá trị của H' là $(C + V + M)$

2. Quá trình sản xuất Giá trị thặng dư

2.2. Bản chất, nguồn gốc của Giá trị thặng dư

❖ *Ba kết luận về giá trị thặng dư (GTĐD)*

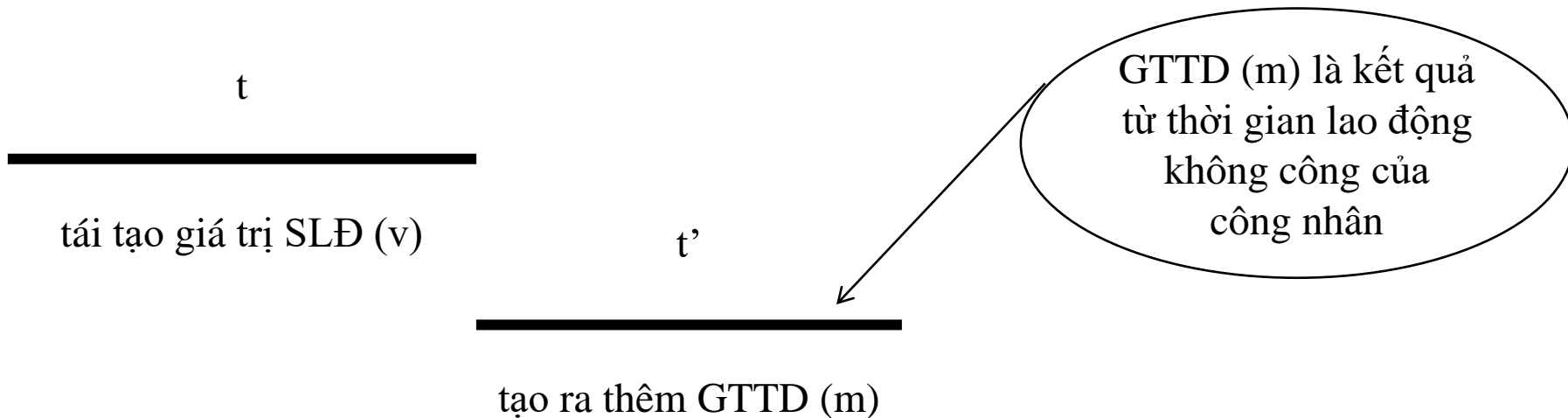
- **KL (1):** Giá trị thặng dư (m) là một phần của giá trị mới ($v+m$) do lao động của công nhân tạo ra, dôi ra ngoài giá trị SLĐ (v), và bị nhà tư bản chiếm đoạt.
- **KL (2):** Về mặt chất, giá trị thặng dư (m) là một quan hệ xã hội, phản ánh hệ bóc lột của nhà tư bản đối với công nhân là thuê.
- **KL (3):** Trong chủ nghĩa tư bản, thời gian lao động trong ngày được chia thành hai phần, bao gồm: *Thời gian lao động tất yếu (t)* & *Thời gian lao động thặng dư (t')*

2. Quá trình sản xuất Giá trị thặng dư

2.2. Bản chất, nguồn gốc của Giá trị thặng dư

❖ *Ba kết luận về giá trị thặng dư (GTTD)*

- **KL (3):** Trong CNTB, thời gian lao động trong ngày được chia thành 2 phần
 - + TGLĐ tất yếu (t): thời gian lao động để tạo nên giá trị (v) bù đắp giá trị SLĐ
 - + TGLĐ thặng dư (t'): thời gian lao động để tạo nên GTTD (m)



2. Quá trình sản xuất Giá trị thặng dư

2.3. Tỷ suất giá trị thặng dư & Khối lượng giá trị thặng dư

❖ *Tỷ suất giá trị thặng dư*

- Công thức:

$$m' = \frac{m}{v} (\%) \quad \implies \quad m' = \frac{t'}{t} (\%)$$

- Ý nghĩa: tỷ suất GTTD (m') phản ánh **trình độ bóc lột** của nhà tư bản

❖ *Khối lượng giá trị thặng dư (M)*

- Công thức: $M = m' \times V$

- Ý nghĩa: Khối lượng GTTD (M) phản ánh **quy mô bóc lột** của nhà tư bản

Một số điều cần lưu ý

- Tư bản là thứ có giá trị và được sử dụng với mục đích để tạo nên giá trị thặng dư
- Trong CNTB, sức lao động là một hàng hoá đặc biệt vì có khả năng tạo nên giá trị mới, lớn hơn giá trị của chính nó. Sức lao động là cơ sở tạo nên giá trị thặng dư
- Giá trị thặng dư phản ánh sự chiếm đoạt của nhà Tư bản đối với CN làm thuê
- Cơ sở để nhà Tư bản chiếm đoạt GTTD là do chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Đó là nguồn gốc tạo nên sự bất bình đẳng trong Chủ nghĩa Tư bản
- Tỷ suất GTTD và Khối lượng GTTD là chỉ số lượng hoá, phản ánh sự bóc lột trong Chủ nghĩa Tư bản.



HUST

KẾT THÚC
BÀI GIẢNG VỀ TƯ BẢN &
GIÁ TRỊ THẶNG DƯ
SINH VIÊN LƯU Ý, TÌM HIỂU TRƯỚC
BÀI TIẾP THEO
LÀ NỘI DUNG VỀ HAI PHƯƠNG PHÁP
SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

